TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/DS - ST
Ngày: 29/6/2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Khuyên
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
  1. Ông Lê Đức Dũng
  2. Bà Lữ Kim Hằng
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Bích, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.
- *Đại diện Viện kiểm sát huyện C tham gia phiên tòa*: Ông Trần Văn Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 29/6/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 49/2021/LTST- DSST ngày 31/3/2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-DS ngày 10/6/2021 giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: tổ 9, ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1977.

HKTT: ấp 9, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: ấp 1, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(chị H, chị Ng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/3/2021, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Vào ngày 17/4/2019 chị cho chị Nguyễn Thị Ng vay số tiền 500.000.000 đồng tiền gốc. Khi vay có làm giấy mượn tiền do chị Ng viết và ký tên, hẹn ngày 17/7/2019 (dương lịch) sẽ trả, lãi suất thỏa thuận miệng 2%/tháng, nhưng không ghi lãi suất vào giấy mượn tiền. Đến ngày 17/7/2019 chị Ng đã trả cho chị số tiền

nợ gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi được khoảng 50.000.000 đồng. Số tiền gốc chị Ng còn nợ chị là 350.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị yêu cầu chị Ng phải trả số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng và phải trả lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 17/01/2020 cho đến ngày 29/3/2021 là 49.000.000 đồng. Tổng cộng chị yêu cầu chị Ng phải trả cho chị số tiền là 339.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó chị rút yêu cầu về tiền lãi suất, chị chỉ yêu cầu chị Ng trả số tiền gốc 350.000.000 đồng, không yêu cầu chị Ng trả 49.000.000 đồng tiền lãi.

Nay chị yêu cầu Tòa án buộc cá nhân chị Nguyễn Thị Ng trả cho chị số tiền nợ gốc là 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu) đồng. Chị không yêu cầu chị Ng trả lãi suất khi giải quyết tại Tòa án.

Ngày 10/6/2021 chị có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

** Theo các lời khai trong hồ sơ thể hiện bị đơn chị Nguyễn Thị Ng trình bày:*

Chị Ng thừa nhận có vay của chị Bùi Thị H số tiền gốc 500.000.000 đồng và có làm giấy mượn tiền viết tay ngày 17/4/2019 với số tiền nợ gốc và nội dung như trong giấy mượn tiền, thời gian hẹn trả nợ như chị H đã trình bày. Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 6%/tháng nhưng không ghi vào giấy mượn tiền, cũng không có người làm chứng. Đến ngày 17/7/2019 chị đã trả cho chị H số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng, đã trả tiền lãi suất từ ngày 17/4/2019 đến tháng 9/2019, nhưng không nhớ cụ thể số tiền. Đây là khoản nợ riêng của cá nhân chị đối với chị H. Số tiền lãi suất đã trả chị không yêu cầu điều chỉnh lại.

Nay chị đồng ý trả cho chị Bùi Thị H số tiền nợ gốc còn lại là 350.000.000 đồng.

Ngày 29/4/2021 chị có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

* Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

Tài liệu, chứng cứ do chị Bùi Thị H cung cấp:

Chứng minh nhân dân dân, sổ hộ khẩu (bản sao); 02 giấy mượn tiền (bản chính và bản pho to); bản tự khai (bản chính); chứng minh nhân dân của ông Ngô Bá D (bản pho to); bản tự khai của ông D (bản chính); đơn đề nghị giải quyết vắng mặt (bản chính).

Tài liệu, chứng cứ do chị Nguyễn Thị Ng cung cấp:

Chứng minh nhân dân (bản pho to); bản tự khai (bản chính); đơn đề nghị giải quyết vắng mặt (bản chính).

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được:

Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự (bản sao lục); biên bản lấy lời khai của các đương sự (bản chính).

** Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện C:*

+ Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật

tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng cũng chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: không.

+ Về nội dung:

Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị Ng trả 350.000.000 đồng cho chị H. Không xem xét lãi suất do các đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền xét xử:

Chị Bùi Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Ng thanh toán số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng theo giấy mượn tiền được các bên ký kết vào ngày 17/4/2019. Chị Nguyễn Thị Ng có nơi cư trú tại ấp 9, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: chị Bùi Thị H và chị Nguyễn Thị Ng có đơn xin xét xử vắng mặt tại Tòa án nhân dân huyện C. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những đương sự này là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

Trong quá trình thu thập chứng cứ nguyên đơn trình bày rằng chị Ng còn nợ chị 350.000.000 đồng tiền gốc, đồng thời đã cung cấp giấy mượn tiền (bản chính) do chị Nguyệt viết và ký tên để chứng minh cho yêu cầu của mình. Đồng thời chị Nguyệt cũng thừa nhận chị có vay của chị H số tiền gốc là 500.000.000 đồng, đã trả được 150.000.000 đồng còn nợ lại 350.000.000 đồng. Từ đó chứng tỏ việc chị H cho chị Ng vay số tiền gốc và còn lại 350.000.000 đồng là đúng và chị Ng phải có trách nhiệm thanh toán số tiền 350.000.000 đồng cho chị H.

Do chị H không yêu cầu bị đơn trả lãi suất đối với số tiền trên trong quá trình giải quyết tại Tòa án nên không đặt ra xem xét.

Chị Ng cho rằng khi vay các bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng 6% và chị đã trả tiền lãi cho chị H từ ngày 17/4/2019 đến tháng 9/2019 nhưng cụ thể số tiền bao nhiêu thì không nhớ, chị Ng không yêu cầu điều chỉnh về lãi suất vượt quá nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ những chứng cứ, phân tích, đánh giá như trên đã có đủ cơ sở khẳng định chị Ng còn nợ chị H số tiền gốc là 350.000.000 đồng. Do đó, căn cứ vào Điều 466

BLDS năm 2015 buộc chị Nguyễn Thị Ng có trách nhiệm trả cho chị Bùi Thị H số tiền 350.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên chị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật, theo mức là: 350.000.000 đồng x 5% = 17.500.000 đồng.

Hoàn trả cho chị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị H.

Buộc chị Nguyễn Thị Ng phải thanh toán cho chị Bùi Thị H số tiền gốc 350.000.000 *(ba trăm năm mươi triệu)* đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí: chị Nguyễn Thị Ng phải nộp 17.500.000 *(mười bảy triệu năm trăm ngàn)* đồng.

Hoàn trả cho chị Bùi Thị H số tiền tạm ứng án phí 9.975.000 *(chín triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn)* đồng theo biên lai thu tiền số 0009263 ngày 29/3/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND. tỉnh Đồng Nai.
- VKSND tỉnh Đồng Nai.
- VKSND H. C.
- Thi hành án dân sự H. C.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu án văn.
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Khuyên